

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

**BÀI “TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH THÔNG TIN TỔNG
QUAN VỀ TÌNH HÌNH HỢP TÁC, GIAO THƯƠNG CỦA VIỆT NAM VỚI
THỊ TRƯỜNG THÀNH VIÊN CPTPP TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2025”**

THUỘC NHIỆM VỤ
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định CPTPP năm 2025”**

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO.....	4
I. Tình hình thương mại song phương giữa Việt Nam và thị trường CPTPP trong 5 tháng đầu năm 2025	4
1. Đánh giá chung	4
2. Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường thành viên CPTPP trong 5 tháng năm 2025	5
<i>2.1. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang thị trường thành viên CPTPP</i>	<i>6</i>
<i>2.2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu</i>	<i>9</i>
3. Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường thành viên CPTPP trong 5 tháng đầu năm 2025.....	12
<i>3.1. Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ thị trường CPTPP</i>	<i>12</i>
<i>3.2. Cơ cấu thị trường nhập khẩu</i>	<i>16</i>
4. Cán cân thương mại	18
II. Thông tin về tình hình hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và thị trường thành viên CPTPP trong 6 tháng đầu 2025	20
III. Đánh giá triển vọng	21

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025.....	7
Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu sang từng thị trường thành viên CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025.....	11
Bảng 3: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025.....	13
Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu từ các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025.....	18
Bảng 5: Cán cân thương mại giữa Việt Nam với các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP.....	19

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP trong 5 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2025.....	5
Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP	10
Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP	16

NỘI DUNG

I. Tình hình thương mại song phương giữa Việt Nam và thị trường CPTPP trong 5 tháng đầu năm 2025

1. Đánh giá chung

Kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn bởi xung đột quân sự lan rộng, cùng với những chính sách khó đoán từ các nền kinh tế lớn. Dự phòng trước làn sóng thuế quan nên các nhà nhập khẩu đã mua lượng lớn hàng hóa dự trữ. Nhưng điều này phần nào đã giúp xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025.

Theo số liệu của Cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 5/2025 đạt 78,6 tỷ USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, trị giá xuất khẩu đạt 39,6 tỷ USD, tăng 5,74% so với tháng 4/2025 và tăng 22,7% so với tháng 5/2024; trị giá nhập khẩu đạt 39 tỷ USD, tăng 5,9% so với tháng 4/2025 và tăng 19,3% so với tháng 5/2024.

Theo đó, cán cân thương mại tháng 5/2025 thặng dư 0,55 tỷ USD.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt gần 355,8 tỷ USD, tăng 17,1% so với 5 tháng đầu năm 2024. Trong đó, trị giá xuất khẩu tăng 15,3%, đạt 180,2 tỷ USD và trị giá nhập khẩu, tăng 18,9%, đạt xấp xỉ 175,6 tỷ USD, đưa tổng thặng dư thương mại 5 tháng đầu năm nay lên gần 4,7 tỷ USD, nhưng giảm 45,8% so với mức thặng dư 8,6 tỷ trong 5 tháng đầu năm 2024.

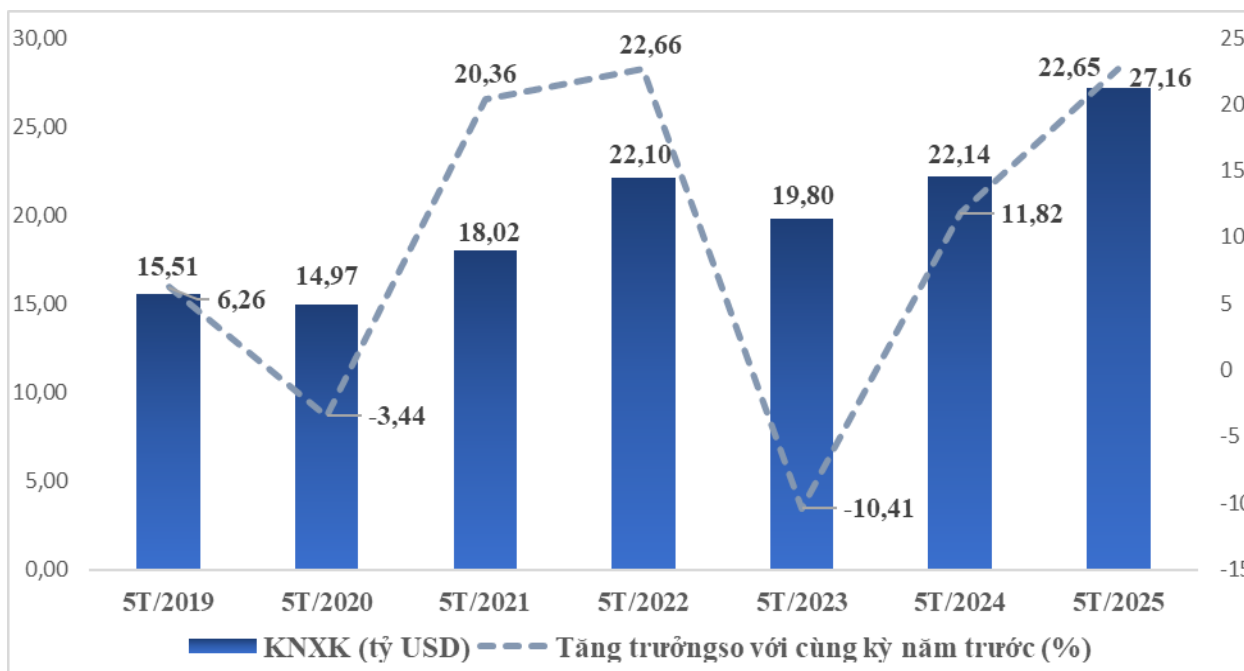
Riêng với thị trường CPTPP, kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và 11 thành viên Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP trong tháng 5/2025 đạt xấp xỉ 10 tỷ USD, tăng 21,8% so với tháng 5/2024 (giai đoạn Vương quốc Anh chưa chính thức tham gia Hiệp định). Tính

chung trong 5 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với 11 quốc gia thành viên Hiệp định CPTPP đạt gần 48,5 tỷ USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,6% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam.

2. Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường thành viên CPTPP trong 5 tháng năm 2025

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, các FTA như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương - CPTPP đã giúp doanh nghiệp Việt Nam có thêm nhiều cơ hội mở rộng thương mại với các thị trường tiềm năng.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP trong 5 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang 11 nước thành viên Hiệp định CPTPP tháng 5/2025 tăng 0,7% so với tháng 4/2025 và tăng 11,1% so với tháng 5/2024 (thời gian Hiệp định có 10 quốc gia thành viên chính thức), đạt 5,6 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu sang các

quốc gia đối tác trong Hiệp định CPTPP 5 tháng đầu năm nay lên gần 27,2 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 15, 1% trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.

2.1. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang thị trường thành viên CPTPP

Xuất khẩu nhiều mặt hàng chủ lực sang 11 thị trường thành viên Hiệp định CPTPP tăng trở lại trong tháng 5/2025. Điển hình, sau khi giảm ở tháng trước, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu sang các quốc gia đối tác trong Hiệp định CPTPP là điện thoại các loại và linh kiện tháng 5/2025 đã tăng 25,43% so với tháng 4/2025. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn thứ hai là dệt may cũng tăng 3,94%. Một số mặt hàng khác tăng trưởng tương đối cao là sản phẩm từ sắt thép (tăng 14,62%), cao su (tăng 39,97%), chè (tăng 29,17%), dây điện và dây cáp điện (tăng 19,24%).

So với cùng kỳ tháng 5/2024 thì kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP trong tháng 5/2025 còn có mức tăng trưởng cao hơn nữa. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu các loại điện thoại và linh kiện tăng 26,75%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 25,05%, cà phê tăng 169,56%, phân bón tăng 146,9%, ...

Kết quả tích cực này đã góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang các quốc gia đối tác trong Hiệp định trong 5 tháng đầu năm nay tăng đáng kể so với cùng kỳ 5 tháng đầu năm ngoái. Trong đó, trị giá xuất khẩu nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 11,1% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP, đạt 3 tỷ USD, tăng 28,23%. Trị giá xuất khẩu mặt hàng giày dép các loại chiếm 6,87% tỷ trọng, đạt xấp xỉ 1,9 tỷ USD, tăng 18,54%. Trị giá xuất khẩu mặt hàng dệt may chiếm 11,2% tỷ trọng, cũng đạt trên 3 tỷ USD, tăng 12,44%.

Đáng kể, trị giá xuất khẩu một số mặt hàng tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các thị trường thành viên

Hiệp định CPTPP nhưng có mức tăng trưởng rất mạnh. Diễn hình là trị giá xuất khẩu cao su chỉ chiếm 0,15% tỷ trọng, đạt 40,02 triệu USD, nhưng tăng tới 108,02% so với cùng kỳ 5 tháng đầu năm 2024. Tương tự, trị giá xuất khẩu cà phê cũng chỉ chiếm mức tỷ trọng thấp là 2,71%, đạt 735,19 triệu USD nhưng tăng tới 94,87%; trị giá xuất khẩu mặt hàng hạt tiêu cũng giữ tỷ trọng thấp ở mức 0,22%, đạt 59,36 triệu USD, nhưng tăng 71,48%.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025

Mặt hàng	T5/2025 (triệu USD)	So T4/2025 (%)	So T5/2024 (%)	5T/2025 (triệu USD)	So 5T/2024 (%)	Tỷ trọng 5T/2025 (%)
<i>Tổng các quốc gia thành viên Hiệp định CPTPP</i>	5.605,51	0,7	21,8	27.160,01	22,6	100,00
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	11,22	5,65	18,03	52,48	-0,03	0,19
Gỗ và sản phẩm gỗ	243,05	-9,73	25,05	1.249,96	23,58	4,60
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	14,04	1,62	15,98	67,09	7,82	0,25
Hàng thủy sản	244,05	2,45	5,03	1.122,58	7,57	4,13
Sản phẩm hóa chất	23,57	2,49	-44,99	115,14	-51,79	0,42
Hạt điều	41,08	6,24	47,44	161,08	8,33	0,59
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	619,27	-9,01	22,48	3.014,74	28,23	11,10
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	634,33	4,35	-7,14	2.957,32	-12,15	10,89
Hàng rau quả	54,89	3,29	39,39	249,71	25,59	0,92
Quặng và khoáng sản khác	3,13	-19,85	119,46	13,53	6,49	0,05
Hóa chất	51,05	18,08	21,15	234,16	-1,15	0,86

Bài “Tổng hợp, đánh giá và phân tích thông tin tổng quan về tình hình hợp tác, giao thương của Việt Nam với khối thị trường thành viên CPTPP”

Mặt hàng	T5/2025 (triệu USD)	So T4/2025 (%)	So T5/2024 (%)	5T/2025 (triệu USD)	So 5T/2024 (%)	Tỷ trọng 5T/2025 (%)
Phân bón các loại	7,47	-30,54	146,9	43,53	73,2	0,16
Chất dẻo nguyên liệu	26,79	8,5	64,07	118,68	22,72	0,44
Sản phẩm từ chất dẻo	100,05	-4,51	1,18	511,48	5,21	1,88
Sản phẩm từ cao su	18,34	-15,42	0,55	97,62	2,42	0,36
Xơ, sợi dệt các loại	13,45	-10,37	-1,88	70,49	4,85	0,26
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	8,27	2,06	27,59	41,51	18,43	0,15
Sắt thép các loại	62,80	-36,77	-30,45	414,66	-22,83	1,53
Sản phẩm từ sắt thép	106,93	14,62	29,18	474,44	18,93	1,75
Cao su	6,44	39,97	87,41	40,02	108,02	0,15
Điện thoại các loại và linh kiện	560,28	25,43	26,75	3.054,51	0,16	11,25
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	22,98	31,77	35,9	90,53	31,43	0,33
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	49,72	-6,58	-19,27	275,95	14,52	1,02
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	24,08	3,45	23,61	115,54	20,43	0,43
Dầu thô	95,18	-14,27	-49,45	331,05	-36,91	1,22
Dây điện và dây cáp điện	52,13	19,24	28	220,78	22,43	0,81
Xăng dầu các loại	12,09	-67,4	28,7	111,96	152,45	0,41
Than các loại	0,88	-84,7	2135,88	13,36	68,56	0,05
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	76,95	0,95	24,98	360,73	12,9	1,33
Hàng dệt, may	632,51	3,94	19,98	3.035,23	12,44	11,18

Mặt hàng	T5/2025 (triệu USD)	So T4/2025 (%)	So T5/2024 (%)	5T/2025 (triệu USD)	So 5T/2024 (%)	Tỷ trọng 5T/2025 (%)
Vải màn, vải kỹ thuật khác	6,32	-11,89	-9,46	30,50	-2,38	0,11
Giày dép các loại	417,98	0,42	18,75	1.867,12	18,54	6,87
Sản phẩm gốm, sứ	14,16	1,22	13,98	66,90	1,13	0,25
Cà phê	148,09	-10,06	169,56	735,19	94,87	2,71
Hạt tiêu	13,70	8,57	68,71	59,36	71,48	0,22
Kim loại thường khác và sản phẩm	70,07	1,87	9	320,05	11,96	1,18
Phương tiện vận tải và phụ tùng	484,99	10,51	13,18	2.310,65	18,5	8,51
Chè	0,44	29,17	21,64	1,96	19,02	0,01
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	10,57	-18	19,54	59,06	6,23	0,22
Gạo	33,34	-1,03	-63,38	149,80	-43,46	0,55
Giấy và các sản phẩm từ giấy	19,80	-9,47	-11,44	101,17	-8,1	0,37
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	93,10	-1,95	15,31	415,07	6,26	1,53
Canhke và xi măng	8,41	5,98	-17,19	39,67	-5,56	0,15
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	5,07	28,81	45,87	19,29	12,46	0,07
Sắt và các sản phẩm từ sắt	1,83	27,83	32,05	7,87	46,67	0,03

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

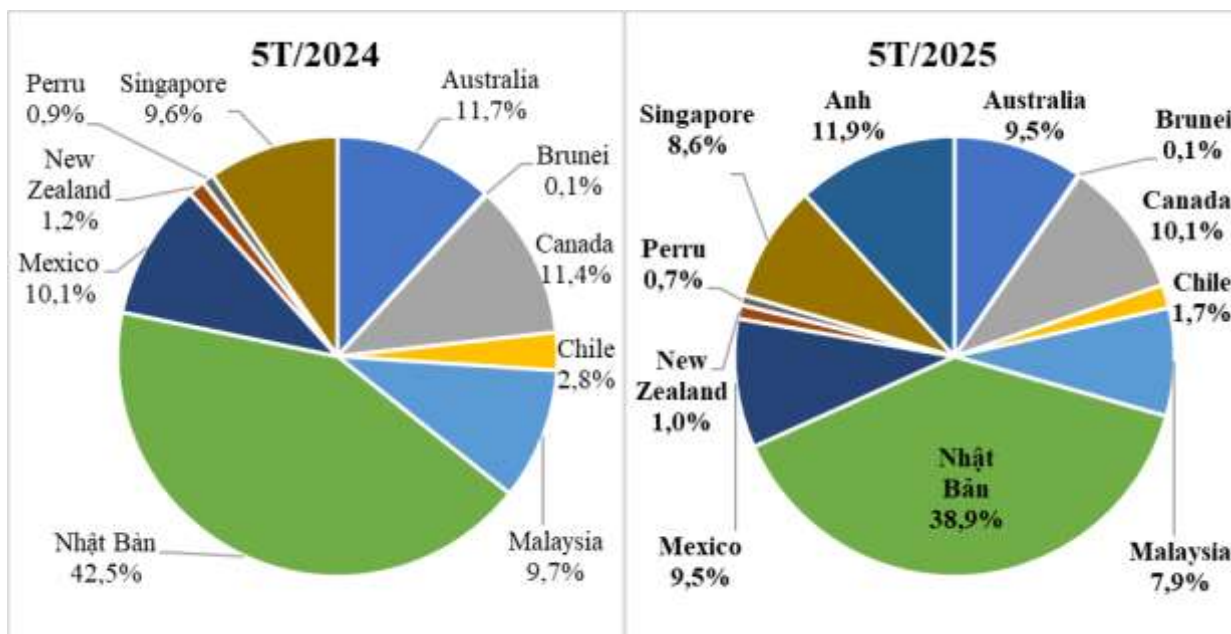
2.2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu

Sau khi Vương quốc Anh trở thành thành viên chính thức tham gia Hiệp định CPTPP từ tháng 12/2024, cơ cấu các thị trường xuất khẩu của Việt Nam sang

các quốc gia thành viên Hiệp định đã có sự thay đổi. Theo đó, Nhật Bản là thị trường chiếm đến 42,5% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP trong 5 tháng đầu năm 2024, nhưng chỉ còn giữ mức tỷ trọng 38,9% trong 5 tháng đầu năm 2025. Đáng kể là dù vừa chính thức tham gia Hiệp định nhưng Anh đã trở thành thị trường xuất khẩu giữ tỷ trọng cao thứ hai trong khối các quốc gia đối tác thuộc Hiệp định CPTPP, chiếm 11,9% tỷ trọng, đạt 3,2 tỷ USD, tăng 8,04% so với cùng kỳ 5 tháng đầu năm 2024, cho thấy tín hiệu tích cực về tiềm năng tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường mới này.

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP

(ĐVT: % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Đáng chú ý, mặc dù tỷ trọng trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu khỏi thành viên Hiệp định CPTPP 5 tháng đầu năm nay giảm so với cùng kỳ năm ngoái do Vương quốc được trở thành thành viên chính thức trong Hiệp định, nhưng xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Canada, Mexico, Singapore và New Zealand vẫn tăng trưởng khá.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang Nhật Bản tháng 5/2025 tăng 0,53% so với tháng 4/2025 và tăng 12,78% so với tháng 5/2024, đạt gần 2,9 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang Nhật Bản 5 tháng đầu năm nay lên xấp xỉ 10,6 tỷ USD, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu sang Mexico cũng tăng khá, đạt 519,5 triệu USD trong tháng 5/2025, tăng 22,03% so với tháng 5/2024 và tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này 5 tháng đầu năm 2025 tăng 15,52% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 2,6 tỷ USD.

Xuất khẩu sang Canada trong tháng 5/2025 cũng tăng 12,79% so với tháng 4/2025 và tăng đến 24,82% so với tháng 5/2025, đạt 629,7 triệu USD, nâng trị giá xuất khẩu trong 5 tháng năm nay lên 2,7 tỷ USD, tăng 8,86% so với 5 tháng đầu năm ngoái. Đây là thị trường tiềm năng có nền kinh tế mở, nhu cầu đa dạng về hàng hóa, sở hữu sức mua lớn và hệ thống tiêu chuẩn cao, đóng vai trò là cửa ngõ quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận sâu hơn chuỗi cung ứng khu vực Bắc Mỹ. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hợp tác thương mại song phương giữa Việt Nam và Canada thông qua các cam kết về cắt giảm thuế quan, mở cửa thị trường và cải cách thủ tục, nhiều ngành hàng xuất khẩu chủ lực của hai bên có thêm cơ hội tiếp cận thị trường đối tác, góp phần thúc đẩy tăng trưởng theo hướng thực chất và bền vững. Việt Nam hiện là đối tác thương mại lớn thứ 7 của Canada và đứng đầu trong số các nước ASEAN, chiếm gần 45% tổng kim ngạch Canada nhập khẩu từ khu vực. Các mặt hàng chủ lực như dệt may, giày dép, gỗ, thủy sản, cà phê, linh kiện điện tử... được người tiêu dùng Canada đánh giá cao. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng ưu đãi thuế quan của hàng xuất khẩu Việt Nam sang Canada theo cam kết ưu đãi trong CPTPP mới đạt 18%, doanh nghiệp cần chủ động nghiên cứu các xu hướng thị trường và các cơ hội ngành hàng để tận dụng cơ hội xuất khẩu sang thị trường này mạnh hơn nữa.

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu sang từng thị trường thành viên CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025

Tên thị trường	T5/2025 (triệu USD)	So T4/2025 (%)	So T5/2024 (%)	5T/2025 (triệu USD)	So 5T/2024 (%)
Tổng các đối tác thành viên CPTPP	5.605,51	0,7	21,8	27.160,01	22,6
Nhật Bản	2.087,25	0,53	12,78	10.562,77	12,2
Vương quốc Anh	685,97	12,11		3.226,07	
Canada	629,71	12,79	24,82	2.737,03	8,86
Australia	537,62	-3,31	-13,62	2.592,41	-0,34
Mexico	519,50	-13	22,03	2.576,08	15,52
Singapore	531,93	8,3	10,06	2.339,81	9,88
Malaysia	431,08	-11,1	-10,82	2.152,97	0,39
Chile	89,32	-5,39	19,92	467,65	-23,99
New Zealand	53,19	8,06	8,92	276,70	0,95
Pê Ru	38,79	-15,18	13,01	198,28	5,07
Brunây	1,14	-24,66	82,77	30,22	-7,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

3. Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường thành viên CPTPP trong 5 tháng đầu năm 2025

3.1. Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ thị trường CPTPP

Nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia đối tác thành viên Hiệp định CPTPP có dấu hiệu giảm nhẹ. Cụ thể, sau khi tăng trong tháng trước, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng từ các nước thành viên trong Hiệp định tháng 5/2025 giảm 4,02% so với tháng 4/2025 nhưng vẫn tăng 19,27% so với tháng 5/2024 – thời điểm Vương quốc Anh chưa chính thức tham gia Hiệp định CPTPP, đạt 32,7 tỷ USD.

So sánh kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ những quốc gia này trong 5 tháng đầu năm 2025 (khi Vương quốc Anh đã chính thức tham gia Hiệp định) với cùng kỳ năm 2024 – giai đoạn Hiệp định CPTPP mới có 10 thành viên đối tác (chưa có Vương quốc Anh) thì tăng trưởng nhập khẩu ở mức 9,96%, đạt xấp xỉ 21,3 tỷ USD.

Bảng 3: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025

Mặt hàng	T5/2025 (triệu USD)	So T4/2025 (%)	So T5/2024 (%)	5T/2025 (triệu USD)	So 5T/2024 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNNK từ CPTPP (%)
<i>Tổng KNNK từ các quốc gia đối tác thành viên CPTPP</i>	4.382,18	-4,02	19,27	21.286,64	9,96	100,00
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.077,37	10,69	43,91	5.037,83	17,16	23,67
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	543,03	-6,8	29,56	2.719,58	32,96	12,78
Xăng dầu các loại	226,19	-41,81	-30,98	1.453,66	-30,64	6,83
Than các loại	266,18	0,74	17,48	1.225,07	1,31	5,76
Kim loại thường khác	184,10	7,86	2,77	887,87	12,44	4,17
Sắt thép các loại	130,22	-21,45	-2,69	680,15	21,06	3,20
Phế liệu sắt thép	125,50	-11,27	97,75	591,40	19,08	2,78
Quặng và khoáng sản khác	113,77	-29,81	-14,63	573,67	-0,16	2,69
Chất dẻo nguyên liệu	96,56	-14,02	1,72	558,99	24,19	2,63
Hóa chất	103,15	-13,67	-7,03	511,78	-10,07	2,40
Sản phẩm hóa chất	102,65	-2,73	13,20	485,48	8,26	2,28
Sản phẩm từ chất dẻo	90,90	-3,08	29,34	428,81	25,16	2,01
Vải các loại	81,31	16,3	30,67	352,14	16,12	1,65

Bài “Tổng hợp, đánh giá và phân tích thông tin tổng quan về tình hình hợp tác, giao thương của Việt Nam với khối thị trường thành viên CPTPP”

Mặt hàng	T5/2025 (triệu USD)	So T4/2025 (%)	So T5/2024 (%)	5T/2025 (triệu USD)	So 5T/2024 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNNK từ CPTPP (%)
Sữa và sản phẩm sữa	56,92	3,42	7,11	313,37	37,97	1,47
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	74,36	38,6	125,35	289,96	71,40	1,36
Linh kiện, phụ tùng ô tô	59,68	4,41	30,35	263,27	22,27	1,24
Lúa mì	29,68	-70,05	152,50	233,95	13,47	1,10
Hàng điện gia dụng và linh kiện	42,47	5,62	18,46	228,22	18,03	1,07
Khí đốt hóa lỏng	27,89	-65,25	80,46	218,29	19,74	1,03
Hàng thủy sản	48,17	10,01	59,41	212,13	70,27	1,00
Sản phẩm từ sắt thép	42,54	-0,62	21,02	205,47	10,08	0,97
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	41,75	5,15	0,82	190,32	0,10	0,89
Chế phẩm thực phẩm khác	34,97	-1,34	-20,37	184,03	5,56	0,86
Dầu mỡ động, thực vật	47,33	5,51	57,75	172,45	-18,41	0,81
Giấy các loại	35,37	0,21	2,32	166,03	4,03	0,78
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	30,93	16,48	15,19	139,93	11,10	0,66
Hàng rau quả	30,90	19,28	6,72	127,91	36,17	0,60
Ô tô nguyên chiếc các loại	41,40	81,44	385,74	107,67	96,38	0,51
Dây điện và dây cáp điện	20,58	-2,22	7,06	102,49	27,85	0,48
Dược phẩm	23,25	13,62	23,77	97,75	62,42	0,46
Cao su	15,32	-7,76	-16,18	81,73	5,08	0,38
Bông các loại	6,81	-5,99	-54,09	80,69	-58,97	0,38

Bài “Tổng hợp, đánh giá và phân tích thông tin tổng quan về tình hình hợp tác, giao thương của Việt Nam với khối thị trường thành viên CPTPP”

Mặt hàng	T5/2025 (triệu USD)	So T4/2025 (%)	So T5/2024 (%)	5T/2025 (triệu USD)	So 5T/2024 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNNK từ CPTPP (%)
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	18,07	19,12	-17,80	74,83	-36,09	0,35
Sản phẩm từ cao su	16,16	9,4	7,49	73,94	3,68	0,35
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	13,71	21,42	-3,13	61,23	-16,36	0,29
Gỗ và sản phẩm gỗ	12,89	-4,22	-20,79	59,60	-2,60	0,28
Sản phẩm từ kim loại thường khác	11,59	-9,32	1,36	56,97	6,23	0,27
Phân bón các loại	17,31	95,25	200,25	56,34	0,50	0,26
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	8,35	-42,11	-55,93	56,19	-0,25	0,26
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	22,05	228,26	454,93	50,37	105,85	0,24
Dầu thô	0,00			49,97	-10,09	0,23
Đậu tương	11,67	482,51	45,94	40,99	39,96	0,19
Xơ, sợi dệt các loại	9,27	57,03	15,96	39,72	12,31	0,19
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	6,13	-23,82	-42,76	38,33	-49,33	0,18
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	6,78	-3,1	-4,32	30,24	14,76	0,14
Sản phẩm từ giấy	4,93	3,95	2,48	23,81	6,03	0,11
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	4,97	21,57	12,64	22,40	4,33	0,11
Nguyên phụ liệu thuốc lá	0,77	24,92	-7,37	2,63	13,73	0,01
Điện thoại các loại và linh kiện	0,23	-24,89	-72,62	2,25	11,65	0,01
Nguyên phụ liệu dược phẩm	0,31	0,37	-14,70	1,57	63,29	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP là các loại máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, đạt 1,1 tỷ USD trong tháng 5/2025, tăng 10,69% so với tháng 4/2025 và tăng đến 43,91% so với tháng 5/2024 (khi Anh chưa là thành viên của CPTPP), nâng trị nhập khẩu mặt hàng trong 5 tháng đầu năm nay lên 5,04 tỷ USD, tăng 17,16% so với cùng kỳ 5 tháng đầu năm ngoái, chiếm 23,67% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia nói trên.

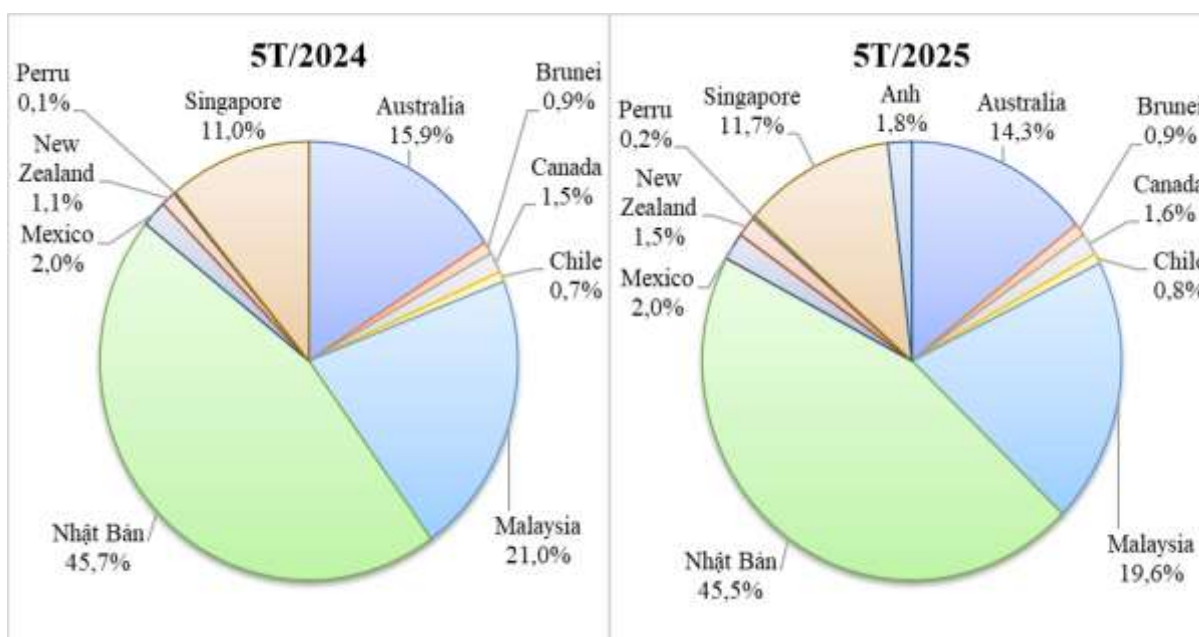
Một số mặt hàng tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia đối tác thành viên CPTPP nhưng có mức tăng trưởng nhập khẩu khá cao trong 5 tháng năm 2025 là sản phẩm dầu mỡ (tăng 71,4% so với cùng kỳ năm 2024), thủy sản (tăng 70,27%), dược phẩm (tăng 62,42%), nguyên phụ liệu dược phẩm (tăng 63,29%), phương tiện vận tải (không bao gồm ô tô) và phụ tùng (tăng 105,85%).

3.2. Cơ cấu thị trường nhập khẩu

So với 5 tháng đầu năm 2024 thì cơ cấu các thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các quốc gia đối tác thành viên CPTPP trong 5 tháng đầu năm nay có sự thay đổi. Cụ thể, tỷ trọng (về trị giá nhập khẩu) của một số thị trường tăng như New Zealand (tăng từ 1,1% tỷ trọng trong 5 tháng năm 2024 lên mức 1,5% trong 5 tháng năm 2025), Singapore (tăng từ 11% lên mức 11,7%), Canada (tăng từ 1,5% lên mức 1,6%)... Ngược lại, tỷ trọng nhập khẩu từ Australia lại giảm từ 15,9% xuống còn 14,3%, tỷ trọng nhập khẩu từ Malaysia giảm từ 21% xuống còn 19,6%.

Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP

(ĐVT: % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Nhập khẩu hàng hóa từ các nguồn cung lớn trong khối các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP đều tăng. Kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản – nguồn cung lớn nhất trong khối - trong tháng 5/2025 tăng 17,03% so với cùng tháng 5/2024 và 5 tháng đầu năm 2025 tăng 9,44% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Malaysia – nguồn cung lớn thứ hai – tháng 5/2025 cũng tăng 17,9% so với tháng 4/2025 và tăng 26,56% so với tháng 5/2024, đạt 1 tỷ USD, đưa trị giá nhập khẩu trong 5 tháng năm nay từ Malaysia lên gần 4,2 tỷ USD, tăng 2,88% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nhập khẩu từ Canada tuy giữ tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các quốc gia đối tác thành viên CPTPP nhưng trị giá nhập khẩu từ thị trường này có mức tăng trưởng lớn rất cao, đạt 87 triệu USD trong tháng 5/2025, tăng 23,24% so với tháng 4/2025 và tăng đến 64,86% so với tháng 5/2024. Trị giá nhập khẩu từ Canada trong 5 tháng đầu năm 2025 đạt 348 triệu USD, tăng 18,56% so với cùng kỳ năm 2024.

Đáng chú ý, tuy chiếm tỷ trọng thấp nhất nhưng trị giá nhập khẩu từ Peru lại có mức tăng trưởng nhập khẩu cao nhất, đạt 10 triệu USD trong tháng 5/2025, tăng

tới 111,28% so với tháng 5/2024 và tổng trị giá nhập khẩu từ Peru trong cả 5 tháng năm nay tăng 65,85% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 48 triệu USD.

Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu từ các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025

Thị trường	T5/2025 (triệu USD)	So T4/2025 (%)	So T5/2024 (%)	5T/2025 (triệu USD)	So 5T/2024 (%)
Tổng KNNK từ các nước thành viên CPTPP	4.382	-4,02	19,27	21.287	9,96
Nhật Bản	1.888	-5,33	17,03	9.677	9,44
Malaysia	1.043	17,9	26,56	4.174	2,88
Australia	615	-10,66	8,39	3.053	-1,12
Singapore	416	-33,25	10,38	2.484	16,30
Mexico	100	14,83	27,54	430	13,28
Vương quốc Anh	95	17,62		391	
Canada	87	23,24	64,86	348	18,56
New Zealand	63	-7,58	-1,49	323	48,61
Brunây	34	12,66	-45,63	195	11,26
Chile	31	-0,2	0,77	163	15,92
Pê Ru	10	38,95	111,28	48	65,85

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

4. Cán cân thương mại

Trong thương mại với các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP tháng 5/2025, Việt Nam xuất siêu 1,22 tỷ USD, tăng 43,22% so với mức xuất siêu 854,2 triệu USD của tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm nay, Việt Nam đạt thặng

đư thương mại 5,87 tỷ USD, tăng gấp 1,1 lần so với mức thặng dư 2,78 tỷ USD cùng kỳ năm trước.

Bảng 5: Cán cân thương mại giữa Việt Nam với các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP

Thị trường	T5/2025 (triệu USD)	5T/2025 (triệu USD)
Cán cân thương mại với 11 đối tác thành viên CPTPP	1.223,33	5.873,36
Vương quốc Anh	590,65	2.834,72
Canada	542,70	2.388,70
Mexico	419,72	2.146,02
Nhật Bản	198,92	886,08
Chile	58,09	304,43
Pê Ru	28,61	150,32
New Zealand	-9,55	-46,62
Singapore	115,82	-143,79
Brunây	-32,37	-165,10
Australia	-77,79	-460,70
Malaysia	-611,46	-2.020,70

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Đóng góp lớn nhất trong tổng xuất siêu của Việt Nam với các thị trường thành viên CPTPP trong 5 tháng năm 2025 vẫn là Vương quốc Anh (Việt Nam xuất siêu 2,8 tỷ USD, tăng 5,59% so với 5 tháng năm 2024), Canada (Việt Nam

xuất siêu gần 2,4 tỷ USD, tăng 7,58%), và Mexico (Việt Nam xuất siêu hơn 2,1 tỷ USD, tăng 15,98%).

Ngược lại, thương mại hàng hóa của Việt Nam với New Zealand thâm hụt khá cao khi nhập siêu với thị trường này ở mức 46,62 triệu USD trong 5 tháng đầu năm nay trong khi 5 tháng đầu năm 2024 xuất siêu 56,52 triệu USD. Đặc biệt, nhập siêu với Malaysia 5 tháng năm 2025 lên đến 2 tỷ USD.

II. Thông tin về tình hình hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và thị trường thành viên CPTPP trong 6 tháng đầu 2025

Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực dù kinh tế toàn cầu có nhiều biến động. Theo số liệu Cục Thống kê (Bộ Tài chính), tính đến ngày 30/6/2025, vốn FDI thực hiện ước đạt 11,72 tỷ USD, tăng 8,1% và là con số cao nhất của 6 tháng đầu năm giai đoạn 2021-2025.

Có 1.988 dự án đầu tư mới (tăng 21,7% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký mới đạt gần 9,3 tỷ USD. Ngoài ra, 826 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (tăng 31,1% so với cùng kỳ), tổng vốn đầu tư tăng thêm đạt gần 8,95 tỷ USD (gấp 2,2 lần cùng kỳ).

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 12 tỷ USD, chiếm 55,6% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 3,9% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư gần 5,17 tỷ USD, chiếm 24% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ. Tiếp theo lần lượt là các ngành hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ; cấp nước và xử lý chất thải với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt gần 1,18 tỷ USD và 902,9 triệu USD.

Từ đầu năm đến nay, theo đối tác đầu tư, đã có 92 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong nửa đầu năm 2025. Trong đó, Singapore dẫn đầu với

tổng vốn đầu tư hơn 4,6 tỷ USD, chiếm hơn 21,4% tổng vốn đầu tư, giảm 24,8% so với cùng kỳ. Nhật Bản, Malaysia với số vốn lần lượt là 2,15 tỷ USD và 1,59 tỷ USD. Đáng chú ý, Malaysia ghi nhận mức tăng đột biến, tăng 20 bậc so với cùng kỳ năm ngoái.

III. Đánh giá triển vọng

Về triển vọng kinh tế, nhiều tổ chức quốc tế như OECD, IMF, UN, WB và FR đều điều chỉnh giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 vào tháng 6/2025 so với dự báo trước đó. Cụ thể, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cho rằng triển vọng kinh tế suy yếu sẽ ảnh hưởng đến hầu hết các khu vực trên thế giới, khiến tăng trưởng thấp hơn và tạo việc làm chậm hơn nên dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025 sẽ đạt 2,9%, giảm 0,2% so với dự báo trong tháng 3/2025.

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cũng hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống mức 2,8% năm 2025 do tác động trực tiếp của các biện pháp thương mại mới và tác động tiêu cực gián tiếp của chính sách thương mại đến niềm tin kinh doanh và tiêu dùng trên toàn cầu.

Trong báo cáo “Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới” cập nhật tháng 6/2025, Liên hợp quốc (UN) nhận định nền kinh tế thế giới tăng trưởng 2,4% năm 2025, giảm 0,4 điểm phần trăm so với dự báo vào hồi tháng 01/2025 bởi căng thẳng thương mại gia tăng, chính sách bất ổn và thuế quan cao hơn, đặc biệt ở Hoa Kỳ.

Ngân hàng Thế giới (WB) cũng hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống mức 2,3% năm 2025 trong Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 6/2025, nhận định rằng kinh tế thế giới phụ thuộc nhiều vào diễn biến của chính sách thương mại trên toàn cầu, tăng trưởng có khả năng tiếp tục giảm nếu căng thẳng thương mại leo thang hoặc tình trạng bất ổn về chính sách vẫn tiếp diễn cùng với xung đột địa chính trị leo thang.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới chuyển biến tiêu cực như vậy, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đang và sẽ giúp hỗ trợ xuất khẩu và thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI), giúp các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh thâm nhập các thị trường tiềm năng như Canada, Mexico và Peru.